TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2018/DS-ST Ngày: 14/3/2018 Về vụ:*"Tranh chấp Hợp đồng dân sự về vay tài sản".*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Trí;
2. Ông Nguyễn Giáo Khoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Tấn Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bưởi – Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2017/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng dân sự về vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà T - Sinh năm: 1976; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên - Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà H - Sinh năm: 1967; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà T trình bày:*

Trong thời gian năm 2015, 2016, bà H có vay của bà T nhiều lần, tổng cộng vay 250.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Mỗi lần vay tiền bà H đều viết giấy nợ, cụ thể: Ngày 7/8/2015 (AL), bà H vay số tiền 100.000.000đ *(một trăm triệu đồng);* Ngày 13/11/2015, vay số tiền 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng)*; Ngày 19/12/2015, vay 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng*); Ngày 25/12/2015 (AL), vay 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng);* Ngày 12/4/2016, vay 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng).*

Sau khi vay, bà H đã trả tiền lãi nhiều lần cho bà T, tổng cộng đã trả được 39.450.000đ *(Ba mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).* Ngoài ra, bà H không trả khoản tiền nào khác.

Nay, bà T yêu cầu bà H phải trả lại cho bà số tiền gốc là 250.000.000đ *(Hai trăm năm mươi triệu đồng),* ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

**Bị đơn bà H trình bày:*

Trong thời gian năm 2015, 2016, bà H thường xuyên ghi số đề nợ của bà T. Bà H chơi số đề và bị thua quá nhiều nên nợ tiền bà T, bà T bắt bà H viết giấy nợ. Bà H có viết giấy nợ tiền của bà T nhiều lần, tổng cộng nợ 250.000.000đ *(Hai trăm năm mươi triệu đồng),* gồm các giấy nợ đúng như bà T khai trên. Khi viết giấy nợ, bà T buộc bà H phải trả lãi, bà H sợ mọi người biết chuyện bà ghi số đề nên thống nhất lãi suất với bà T là 5%/tháng.

Sau khi viết giấy nợ, bà H có trả dần cho bà T, cụ thể từ tháng 5/2015 đến 12/2016 bà H trả mỗi tháng số tiền 7.500.000đ, bà T nhận và nói đó là tiền lãi. Từ tháng 01/2017 đến 7/2017, mỗi ngày đóng 100.000đ, tuy nhiên có ngày không đóng, tổng cộng mỗi tháng đóng trên 2.000.000đ (không biết chính xác số tiền). Tổng cộng đã trả cho bà T số tiền bao nhiêu không nhớ. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận đã trả cho bà T tổng số tiền 39.450.000đ như bà T khai. Bà H yêu cầu số tiền 39.450.000đ này tính trừ vào tiền nợ, số còn lại bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà H trả cho bà T số tiền 250.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật: Xét thấy bà H viết giấy vay tiền của bà T trong thời gian năm 2015, 2016. Như vậy, sự kiện pháp lý xảy ra trong thời gian Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Sự việc xảy ra trong thời gian năm 2015, 2016 và trong các giấy vay tiền không đề cập thời hạn trả nợ. Ngày 01/11/2017, bà T

có đơn khởi kiện bà H yêu cầu trả nợ vay. Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của bà T còn thời hạn khởi kiện.

[3] Bà T khai bà H vay của bà tổng số tiền 250.000.000đ, bà H khai số tiền này là tiền bà ghi nợ số đề của bà T.

Xét thấy: Bà H khai đây là tiền ghi số đề nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, bà H thừa nhận các giấy nợ ngày 7/8/2015, ngày 13/11/2015, ngày 19/12/2015, ngày 25/12/2015, ngày 12/4/2016 do bà H viết, ký và nội dung các giấy nợ này đều thể hiện việc bà H vay tiền của bà T. Do đó, đủ cơ sở xác định số tiền 250.000.000đ này là tiền bà H vay của bà T, không phải là tiền ghi số đề.

[4] Sau khi vay, hai bên thống nhất bà H đã trả cho bà T tổng số tiền 39.450.000đ, nhưng bà T khai là tiền lãi, bà H khai là tiền trả dần vốn:

Xét thấy: Trong các giấy vay tiền, không đề cập lãi suất, nhưng cả bà T, bà H đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất, nên xác định Hợp đồng vay tài sản giữa các bên là loại Hợp đồng vay tài sản có lãi suất. Tuy nhiên, bà H, bà T không thống nhất mức lãi, bà T cho rằng lãi suất 3%/tháng, bà H khai lãi suất 5%/tháng. Do các bên không thống nhất mức lãi suất, căn cứ khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, xác định mức lãi suất vay là lãi suất cơ bản tại thời điểm vay 9%/năm. Như vậy, tiền lãi mà bà H cần phải trả cho bà T từ ngày vay đến ngày bà T khởi kiện (ngày 01/11/2017) sẽ là: 42.405.000đ *(Bốn mươi hai triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng).* Nên, đủ cơ sở xác định số tiền 39.450.000đ bà H trả nhiều lần cho bà T là tiền lãi đúng như bà T khai. Đối với số tiền lãi còn lại, bà T không yêu cầu nên không xét.

[5] Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ của bà H, bà T không chấp nhận:

Xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa bà T, bà H thuộc loại Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Theo Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005, trong trường hợp này bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, có báo trước một thời gian hợp lý; theo Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, bên vay có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn. Như vậy, khi bà T đòi lại tài sản thì bà H phải có trách nhiệm trả đủ tiền vay cho bà T nên không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà H.

Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T: Buộc bà H phải trả cho bà T số tiền 250.000.000đ *(Hai trăm năm mươi triệu đồng).*

Bị đơn bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 250.000.000đ x 5% = 12.500.000đ *(Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471,474, 476, 477 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 9, 26 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà T:

Buộc bà H phải trả cho bà T số tiền: **250.000.000đ** *(Hai trăm năm mươi triệu đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà H phải chịu 12.500.000đ *(Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Hoàn lại cho bà T số tiền 6.250.000đ *(Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* đã thu tại Biên lai thu tiền số AA/2015/000401 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thanh Huệ

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đông Hòa;
- Thi hành án dân sự huyện Đông Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.